

Số: 582 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu như sau:

I. Quan điểm

1. Hướng tới sản xuất và tiêu dùng bền vững, góp phần thực hiện các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Thay thế từng bước việc sử dụng túi ni lông khó phân hủy bằng sử dụng các loại sản phẩm thân thiện với môi trường trong đời sống sinh hoạt cộng đồng.

3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó giải pháp kinh tế là trọng tâm kết hợp với giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức và giải pháp khoa học công nghệ.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung:

- a) Giảm dần việc sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt;
- b) Tăng cường thu gom, tái chế chất thải túi ni lông khó phân hủy.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Đến năm 2015:

- Giảm 40% khối lượng túi ni lông khó phân hủy sử dụng tại các siêu thị, trung tâm thương mại so với năm 2010;
- Giảm 20% khối lượng túi ni lông khó phân hủy sử dụng tại các chợ dân sinh so với năm 2010;
- Thu gom và tái chế 25% khối lượng chất thải túi ni lông khó phân hủy phát sinh trong sinh hoạt.

b) Đến năm 2020:

- Giảm 65% khối lượng túi ni lông khó phân hủy sử dụng tại các siêu thị, trung tâm thương mại so với năm 2010;
- Giảm 50% khối lượng túi ni lông khó phân hủy sử dụng tại các chợ dân sinh so với năm 2010;
- Thu gom và tái sử dụng 50% tổng số lượng chất thải túi ni lông khó phân hủy phát sinh trong sinh hoạt.

III. Các nhiệm vụ

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng

a) Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, doanh nghiệp về tác hại của chất thải túi ni lông khó phân hủy đối với môi trường và khuyến khích sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường đối với từng hộ gia đình, ở các khu dân cư, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong thực hiện nhiệm vụ này.

b) Đưa nội dung giáo dục về tác hại của chất thải túi ni lông khó phân hủy đối với môi trường vào chương trình giảng dạy ở các cấp học theo các hình thức, nội dung phù hợp.

2. Giảm thiểu phát sinh chất thải túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt

a) Đánh giá hiệu quả của Luật Thuế bảo vệ môi trường đối với sản xuất, nhập khẩu túi ni lông khó phân hủy, điều chỉnh theo xu hướng tăng dần mức thuế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta trong từng giai đoạn.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung phí xử lý chất thải đối với túi ni lông khó phân hủy nhằm tăng cường trách nhiệm của người sử dụng.

c) Ban hành quy định cấm sản xuất các loại túi ni lông khó phân hủy có chiều dày một lớp màng nhỏ hơn 30 micromet (30 μ m), tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu gom, tái chế.

3. Tăng cường sản xuất và sử dụng sản phẩm bao gói, túi xách thân thiện với môi trường thay thế túi ni lông khó phân hủy

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách khuyến khích đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, sản xuất sản phẩm bao gói, túi xách thân thiện với môi trường thay thế túi ni lông khó phân hủy.

b) Xây dựng và hoàn thiện chính sách hỗ trợ giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm bao gói, túi xách thân thiện với môi trường.

c) Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường.

4. Đẩy mạnh việc thu gom, tái chế chất thải túi ni lông khó phân hủy

a) Phát triển hạ tầng, dịch vụ thu gom, tái chế chất thải túi ni lông khó phân hủy.

b) Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến tái chế chất thải túi ni lông khó phân hủy trở thành các sản phẩm hữu ích, thân thiện với môi trường.

c) Thực hiện các biện pháp phân loại chất thải tại nguồn, thu gom, tái chế chất thải túi ni lông khó phân hủy.

d) Khuyến khích sử dụng sản phẩm tái chế từ chất thải túi ni lông khó phân hủy, đặc biệt trong đầu tư xây dựng các công trình công cộng.

IV. Giải pháp thực hiện

1. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về kiểm soát sử dụng túi ni lông khó phân hủy

a) Tăng cường sử dụng công cụ kinh tế (thuế, phí) nhằm giảm dần việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng túi ni lông khó phân hủy.

b) Xây dựng cơ chế hỗ trợ sản xuất, sử dụng bao bì, túi xách thân thiện với môi trường thay thế túi ni lông khó phân hủy.

c) Xây dựng chính sách khuyến khích phân loại chất thải túi ni lông khó phân hủy tại nguồn tạo điều kiện thuận lợi để thu gom, tái chế.

2. Giải pháp tài chính và nhân lực

a) Tăng cường và đa dạng hoá các nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, nước ngoài nhằm thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án bố trí từ ngân sách nhà nước trên cơ sở phê duyệt từng dự án thành phần của Đề án. Các Bộ, ngành được phân công chủ trì thực hiện chịu trách nhiệm lập dự toán kinh phí chi tiết gửi Bộ Tài chính xem xét, bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ, ngành mình. Kinh phí thực hiện Đề án ở địa phương do ngân sách địa phương bố trí.

b) Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ của các tổ chức quản lý, nghiên cứu để thích ứng với các công nghệ tiên tiến trong sản xuất và tái chế sản phẩm bao bì, túi xách thân thiện với môi trường.

3. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ

a) Đa dạng hóa nguồn lực cho nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, chuyển giao công nghệ sản xuất các sản phẩm bao bì, túi xách thân thiện với môi trường thay thế túi ni lông khó phân hủy.

b) Tập trung nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, chuyển giao công nghệ tái chế chất thải túi ni lông khó phân hủy thành các sản phẩm hữu ích, thân thiện với môi trường.

c) Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị một số phòng thí nghiệm trọng điểm thuộc các cơ sở đào tạo, nghiên cứu đủ năng lực thử nghiệm, đánh giá các sản phẩm thay thế và tái chế từ chất thải túi ni lông.

4. Hợp tác quốc tế

a) Tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm trong quản lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông khó phân hủy.

b) Tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất các sản phẩm thay thế và tái chế chất thải túi ni lông khó phân hủy.

V. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nội dung, nhiệm vụ của Đề án; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nội dung của Đề án tại các Bộ, ngành và địa phương; định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện cơ chế chính sách về thuế, phí đối với sản xuất, sử dụng túi ni lông khó phân hủy; hỗ trợ đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường và thu gom tái chế chất thải túi ni lông khó phân hủy.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ bố trí ngân sách và tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương mình và các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

4. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội nghề nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp triển khai thực hiện Đề án, định kỳ hàng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công TTĐT;
- Lưu: VT, KGVX (3b), HEC. 240

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 721/SY-UBND

Bình Định, ngày 13 tháng 5 năm 2013

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Công Thương;
- Sở Tài chính;
- PVPNN, K4;
- Lưu: VT (05b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2013
của Thủ tướng Chính phủ)



Dự án 1: Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy, khuyến khích đầu tư sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan.

- Thời gian thực hiện: 2013 - 2015.

Dự án 2: Tăng cường nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế túi ni lông khó phân hủy.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, địa phương, các Viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp liên quan.

- Thời gian thực hiện: 2013 - 2018.

Dự án 3: Tăng cường nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tái chế chất thải túi ni lông khó phân hủy.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, địa phương, Viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp liên quan.

- Thời gian thực hiện: 2013 - 2018.

Dự án 4: Đầu tư, nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm trọng điểm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, thử nghiệm, đánh giá các sản phẩm túi xách thay thế và sản phẩm tái chế chất thải túi ni lông khó phân hủy.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, Viện nghiên cứu, trường đại học.

- Thời gian thực hiện: 2013 - 2018.

Dự án 5: Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về tác hại của chất thải túi ni lông khó phân hủy đối với môi trường, khuyến khích sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, địa phương.
- Thời gian thực hiện: 2013 - 2020.

Dự án 6: Xây dựng nội dung giáo dục về tác hại của chất thải túi ni lông khó phân hủy đối với môi trường đưa vào chương trình các cấp học theo các hình thức, nội dung phù hợp.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành và địa phương.
- Thời gian thực hiện: 2013 - 2020.